

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GIỒNG RIỀNG  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2019/HNGĐ - ST

Ngày: 25/6/2019

V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia  
đình – Xin ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Cao Văn Năng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trịnh Hoàng Giang.

2. Ông Võ Minh Tuấn.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thái Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang*** tham gia phiên tòa: Bà Trần Thúy An – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 191/2019/TLST - HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2019 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Xin ly hôn, nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị **Thị Mỹ P**, sinh năm 1988 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp An H, xã Đ, huyện Gò Q, tỉnh Kiên Giang.

*2. Bị đơn:* Anh **Danh Thanh L**, sinh năm 1991 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn G, huyện Giồng R, tỉnh Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/4/2019 và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Thị Mỹ P trình bày:*

Chị và anh Danh Thanh L cưới nhau vào năm 2013 và được Ủy ban nhân dân thị trấn Giồng Riềng cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 24/4/2013.

Thời gian đầu sống hạnh phúc nhưng dần về sau thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không phù hợp tính tình, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh L ghen tuông và đánh đập chị vô cớ phải nhập viện điều trị, mặc dù đã nhiều lần vợ chồng tự khắc phục sửa chữa nhưng vẫn không có kết quả. Do mâu thuẫn gia đình nên chị và anh L đã ly thân từ năm 3/2016 cho đến nay không liên lạc với nhau để giải quyết mâu thuẫn.

Xét thấy tính tình không hợp, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng không thể giải quyết được. Do đó, chị yêu cầu được ly hôn với anh L.

Về con chung: Trong quá trình chung sống có 01 con chung là tên Danh Thanh Huy, sinh ngày: 05/7/2013, hiện do chị P đang nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, chị P yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Danh Thanh L đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng anh vẫn vắng mặt, anh không đến Tòa án để giải quyết vụ kiện, không nộp bản tự khai thể hiện ý chí của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để Tòa án xem xét.

*Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của Người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:*

Thẩm phán xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án, xem xét việc thụ lý vụ án, cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng và tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đảm bảo đúng quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào chứng cứ trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Xét thấy, hôn nhân giữa chị P và anh L đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nếu tiếp tục chung sống sẽ không hạnh phúc nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng:

- Chị Thị Mỹ P yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Danh Thanh L. Đây là tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Anh L là bị đơn có nơi cư trú tại huyện Giồng R, tỉnh Kiên Giang nên theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng R, tỉnh Kiên Giang.

- Anh L đã được Tòa án triệu tập phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên Tòa án xét xử vắng mặt anh L theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị P và anh L có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện Giồng R, tỉnh Kiên Giang nên quan hệ hôn nhân giữa anh, chị là hợp pháp.

Quá trình chung sống anh, chị đã xảy ra mâu thuẫn. Hậu quả hai bên đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2016 cho đến nay và không liên hệ với nhau để giải quyết mâu thuẫn. Anh L không đến Tòa án để hòa giải và tham dự phiên tòa, cho thấy anh L không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều này cho thấy tình trạng hôn nhân giữa hai người đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị P yêu cầu ly hôn với anh L là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Chị P và anh L có một con chung tên Danh Thanh H, sinh ngày: 05/7/2013, hiện do chị P đang nuôi dưỡng. Xét thấy cháu H phát triển bình thường và chị P có đủ điều kiện nuôi con nên chị P yêu cầu được tiếp tục nuôi con là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình, cần được chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con; Tài sản và nợ chung: Chị P không yêu cầu cấp nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Anh L vắng mặt tại phiên tòa, anh không có ý kiến gì về con chung, tài sản và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56 và Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận việc chị Thị Mỹ P được ly hôn với anh Danh Thanh L.

2. Về con chung: Giao cháu Danh Thanh H, sinh ngày: 05/7/2013 cho chị P tiếp tục nuôi dưỡng. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con do chị P không yêu cầu, trừ trường hợp có yêu cầu thay người trực tiếp việc nuôi con, cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

Anh L được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0001169 ngày 22/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng R, tỉnh Kiên Giang. Chị P đã nộp đủ án phí.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày; Đương sự có mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày tuyên án là ngày 25/6/2019; Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang
- VKSND huyện Giồng Riềng;
- THA huyện Giồng Riềng;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Cao Văn Năng**